

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI - BỘ TÀI CHÍNH - BAN TỔ CHỨC CÁN BỘ CHÍNH PHỦ

Hướng dẫn thực hiện quy định tạm thời chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, nhân viên ngành cơ yếu

Thi hành Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang. Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, và công văn số 418/KTTH, ngày 26 tháng 01 năm 1994 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện tiền lương trong ngành Cơ yếu, sau khi thống nhất ý kiến với Ban Cơ yếu Chính phủ liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ Tài chính hướng dẫn thhh chế độ tiền lương mới trong ngành Cơ yếu như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG

1. Đối tượng áp dụng

- a. Theo Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ.
- Sĩ quan hưởng lương theo luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Pháp lệnh về lực lượng an ninh nhân dân Việt Nam làm việc trong ngành Cơ yếu.
 - Quân nhân chuyên nghiệp;
 - Cán bộ, nhân viên cơ yếu;
- b. Theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ thuộc ngành Cơ yếu quản lý: công nhân, viên chức trong các doanh nghiệp.

2. Đối tượng không áp dụng

- Những người đang nghỉ chờ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội;
- Những người làm việc theo hợp đồng ngắn hạn và hợp đồng dài hạn ngoài chi tiêu biên chế được duyệt;
- Những người đã có quyết định thôi việc, phục viên, xuất ngũ;
- Những người nghỉ việc, chờ việc ở các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ;
- Những người bị đình chỉ công tác hoặc đang bị kỷ luật chưa giao việc hoặc đang bị tạm giam.

B. CHUYỂN XẾP LƯƠNG CŨ SANG LƯƠNG MỚI

I. NGUYÊN TẮC

Việc chuyển xếp lương cũ sang lương mới phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

- a. Làm công việc gì, thuộc đối tượng nào thì chuyển xếp lương mới theo công việc đó, đối tượng đó, cụ thể:
- Sĩ quan, hạ sĩ quan giữ cấp hàm nào thì chuyển xếp lương mới theo cấp hàm đó.
 - Quân nhân chuyên nghiệp ở cấp trình độ nào, thuộc nhóm nào thì được chuyển xếp lương mới theo cấp trình độ và nhóm đó.
- b. Những trường hợp hưởng lương không đúng ngành, nghề quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 thì phải đưa về đúng khung, bậc rồi mới chuyển xếp sang lương mới.
- c. Khi chuyển lương cũ sang lương mới không được kết hợp nâng bậc lương.

II. CÁCH CHUYỂN XẾP LƯƠNG CŨ SANG LƯƠNG MỚI.

1. Đối với sĩ quan áp dụng chuyển xếp lương theo bảng lương cấp hàm quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ.
2. Đối với cán bộ, nhân viên cơ yếu đang hưởng lương hàm an ninh theo Quyết định số 131/CT ngày 22/05/1986 bao gồm:
- Cán bộ lãnh đạo ngành Cơ yếu gồm:
 - + Trưởng ban, Phó trưởng Ban Cơ yếu;
 - + Vụ trưởng, Cục trưởng, Viện trưởng, Phó vụ trưởng, Phó cục trưởng, Phó viện trưởng;
 - + Trưởng phòng, Phó trưởng phòng Bộ;
 - + Trưởng phòng, Phó trưởng phòng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - + Trưởng ban Cơ yếu, đơn vị, địa phương.
 - Cán bộ chuyên môn nghiệp vụ gồm:
 - + Tổ chức cơ yếu, kế hoạch - tổng hợp công tác cơ yếu và thanh tra mật mã đang hưởng lương hàm theo Quyết định 131/CT ngày 22/5/1986.
 - + Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật mật mã;
 - + Quản lý nghiệp vụ, kỹ thuật mật mã;
 - + Giảng dạy kỹ thuật mật mã;
 - + Trợ lý mật mã.
- Những đối tượng nói trên tại điểm 2 này được áp dụng chuyển xếp theo bảng lương.

BẢNG LƯƠNG CẤP HÀM

(Đơn vị tính: 1000 đồng)

Số TT	Bậc lương hàm theo Quyết định 131/CT	Hệ số lương cấp hàm chuyển xếp	Mức lương mới từ 01/4/1993
1	Bậc lương hàm 668	7,20	475
2	Bậc lương hàm 621	6,50	429
3	Bậc lương hàm 576	5,90	389
4	Bậc lương hàm 513	5,30	350
5	Bậc lương hàm 455	4,80	317
6	Bậc lương hàm 390	4,15	276
7	Bậc lương hàm 350	3,80	257
8	Bậc lương hàm 322	3,50	237
9	Bậc lương hàm 300	3,20	222

Căn cứ vào bảng lương này, việc chuyển xếp lương có thể từ lương cũ sang lương mới theo bảng phụ lục số 1 kèm theo.

3. Trên cơ sở áp dụng bảng lương cấp hàm những người đã nâng lương lần 1 và lần 2 theo quy định tại Nghị định số 306/HĐBT ngày 7/10/1991 của Hội đồng Bộ trưởng thì được chuyển xếp lương cũ sang lương mới như sau:

Số		Nâng lần 1	Nâng lần 2

TT	Hệ số lương mới	Hệ số	Mức lương từ 01/4/1993	Hệ số	Mức lương từ 01/4/1993
1	6,50	6,85	452	7,20	475
2	5,90	6,20	409	6,50	429
3	5,30	5,60	370	5,90	389
4	4,80	5,05	333	5,30	350
5	4,15	4,50	297	4,80	317
6	3,80	4,00	270	4,15	276

Đối với những người trong ngành Cơ yếu đang hưởng theo bảng lương quân nhân chuyên nghiệp và lương hàm theo Quyết định 131/CT áp dụng chuyển xếp lương theo phụ lục số 2 kèm theo, bao gồm:

a. Chuyên môn kỹ thuật cao cấp.

Áp dụng chuyển xếp cho những người tốt nghiệp đại học hoặc có trình độ tương đương theo quy định của Nhà nước làm các công việc sau đây:

Nhóm 1:

- Mã dịch mật mã.
- Nghiên cứu thử nghiệm và ứng dụng kỹ thuật mật mã.
- Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa máy mật mã và các trang thiết bị mật mã.

Nhóm 2:

Áp dụng chuyển xếp cho các công việc chuyên môn, nghiệp vụ cơ yếu còn lại.

b. Chuyên môn kỹ thuật trung cấp.

Áp dụng chuyển xếp cho những người tốt nghiệp trung cấp chuyên môn kỹ thuật hoặc có trình độ tương đương theo quy định của Nhà nước làm các công việc sau đây:

Nhóm 1:

- Mã dịch mật mã;
- Thực hành thử nghiệm, sản xuất ứng dụng kỹ thuật mật mã.
- Lắp ráp, sửa chữa các trang thiết bị kỹ thuật, kiểm tra tài liệu nghiệp vụ chuyên ngành Cơ yếu.

Nhóm 2:

Áp dụng chuyển xếp cho các công việc chuyên môn, nghiệp vụ cơ yếu còn lại.

c. Chuyên môn kỹ thuật sơ cấp

Áp dụng chuyển xếp lương cho những người đạt trình độ sơ cấp chuyên môn kỹ thuật hoặc trình độ tương đương làm các công việc sau đây.

Nhóm 1:

- Mã dịch mật mã;
- Thực hành sản xuất ứng dụng kỹ thuật mật mã.
- Lắp ráp, sửa chữa các trang thiết bị kỹ thuật tài liệu mật mã;
- Lái xe chuyên ngành (xe đặc chủng).

Nhóm 2:

Áp dụng chuyển xếp cho các công việc chuyên môn, nghiệp vụ cơ yếu còn lại.

Riêng những người hưởng lương theo bảng lương quân nhân chuyên nghiệp làm các công việc khác trong ngành Cơ yếu thực hiện chuyển xếp lương cũ sang lương mới theo Thông tư hướng dẫn số 715 TT-QP ngày 24/5/1993 của Bộ Quốc phòng.

5. Đối với cán bộ công nhân viên chức khác trong ngành Cơ yếu bao gồm:

a. Công nhân, viên chức và công nhân viên đang hưởng lương theo bảng lương hành chính sự nghiệp thì chuyển xếp lương theo các bảng lương hành chính sự nghiệp quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ, Thông tư số 10/LB-TT ngày 2/6/1993 và Thông tư số 25/LB-TT ngày 13/9/1993 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ - Tài chính hướng dẫn chuyển xếp lương cũ sang ngạch, bậc lương mới.

b. Công nhân viên làm việc trong các doanh nghiệp thực hiện chuyển xếp lương mới theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ quy định đối với các doanh nghiệp Nhà nước và Thông tư số 12/LB-TT ngày 2/6/1993 của Liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính.

III. CÁC CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP

1. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo

a. Mức phụ cấp chức vụ

Đơn vị tính: 1000 đồng

Thứ tự	Chức vụ	Hệ số	Mức tiền 01/4/1993
1	Trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	1,10	80
2	Phó trưởng Ban Cơ yếu Chính phủ	0,85	61
3	Cục trưởng Cục Cơ yếu, Vụ trưởng, Viện trưởng Chánh văn phòng và tương đương	0,70	50
4	Phó cục trưởng, Phó viện trưởng, Phó văn phòng và tương đương	0,50	36
5	Trưởng phòng cơ quan Ban, Bộ và tương đương	0,40	30
6	Phó trưởng phòng cơ quan Ban, Bộ và tương đương	0,30	22
7	Trưởng phòng Cơ yếu tỉnh và tương đương	0,30	22
8	Phó trưởng phòng Cơ yếu tỉnh, Trưởng ban Cơ yếu đơn vị, địa phương và tương đương	0,20	14

Tổ chức cơ yếu trong lực lượng vũ trang hưởng phụ cấp chức vụ theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng, Nội vụ.

Các đơn vị không tổ chức thành Phòng, Ban mà chỉ thành lập Tổ, liên Bộ sẽ thoả thuận sau khi có đề nghị của Ban Cơ yếu Chính phủ.